

# THÔNG TIN TÓM TẮT

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300694937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/05/2005, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 03/11/2014)



## ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

### CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

**Địa chỉ:** Số 64 Trương Định, Phường 07, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh

**Điện thoại:** (08) 3932 7173

**Fax:** (08) 3932 7171

**Website:** [www.rubico.com.vn](http://www.rubico.com.vn)

### NGƯỜI PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

**Họ và tên:** Nguyễn Hồng Minh

**Chức vụ:** Kế toán trưởng

**Điện thoại:** (08) 3932 7173

**Fax:** (08) 3932 7171

## MỤC LỤC

<b>I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....</b>	<b>3</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	3
2. Bộ máy quản lý của Công ty.....	6
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông .....	9
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	10
5. Hoạt động kinh doanh.....	11
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	16
7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành .....	18
8. Chính sách đối với người lao động .....	19
9. Chính sách cổ tức.....	20
10. Tình hình hoạt động tài chính .....	21
11. Tài sản.....	24
12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo .....	25
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch.....	27
14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh: .....	27
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	27
<b>II. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>28</b>
1. Hội đồng quản trị .....	28
2. Ban kiểm soát.....	34
3. Ban giám đốc .....	38
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty .....	41
<b>III. PHỤ LỤC.....</b>	<b>42</b>

# NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

## I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức đăng ký giao dịch


Tên Công ty : Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

Tên tiếng Anh : Rubber Industry and Import – Export Joint Stock Company

Tên viết tắt : RUBICO

Vốn điều lệ đăng ký : 100.303.080.000 VNĐ

Vốn điều lệ thực góp : 100.303.080.000 VNĐ

Logo : 

Trụ sở chính : Số 64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08) 3932 7173 Fax: (08) 3932 7171

Website : [www.rubico.com.vn](http://www.rubico.com.vn)

Email : [rubico@hcm.vnn.vn](mailto:rubico@hcm.vnn.vn)

Ngày trở thành công ty đại chúng: Năm 2008

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Mai – Tổng Giám đốc.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300694937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/05/2005, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 03/11/2014.

#### **Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Công nghiệp chế biến sản phẩm từ cây cao su; Gia công, sản xuất, mua bán giày thể thao xuất khẩu; Mua bán cao su và sản phẩm cao su (giày dép, bao bì), sản phẩm đồ mộc, hàng thủ công mỹ nghệ từ gỗ cao su do công ty sản xuất, máy móc thiết bị vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất các sản phẩm cao su của công ty, vật tư thiết bị phục vụ cho trồng trọt và chế biến cao su, nông sản, máy móc phương tiện vận tải, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), vật liệu xây dựng, vật tư cho luyện kim; Kinh doanh nhà; Cho thuê kho bãi, văn phòng; Mua bán nguyên vật liệu gỗ, sản phẩm đồ mộc và hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng; Kinh doanh bất động sản; Trồng, khai thác, chế biến cây cao su và cây rừng trồng khác (trừ chế biến gỗ tại trụ sở); Cho thuê máy móc, thiết bị công nghiệp.

## 1.2. Chứng khoán đăng ký giao dịch

**Loại chứng khoán:** cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Mã chứng khoán:** RBC

**Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD:** 10.030.308 cổ phần

Điều lệ công ty không quy định về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 30/10/2015, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại CTCP Công nghiệp & XNK Cao Su là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

## 1.3. Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1984: Tiền thân của Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su là Công ty Công nghiệp và Xuất khẩu Cao su trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam)
- Năm 2004: Thực hiện chuyển đổi sang mô hình cổ phần theo Quyết định số 4260/QĐ – BNN – TCCB ngày 30/11/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
- Năm 2005: Công ty Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41030003436 từ ngày 28/05/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với tên gọi là Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su (RUBICO) với mức vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Năm 2008, Công ty đã được UBCKNN đưa vào danh sách công ty đại chúng.
- Ngày 29/04/2010, Công ty đã được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 108/2010/GCNCP-VSD với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lần đầu là 7.012.892 cổ phiếu, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 17/12/2015 với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 10.030.380 cổ phiếu.

#### 1.4. Quá trình tăng vốn

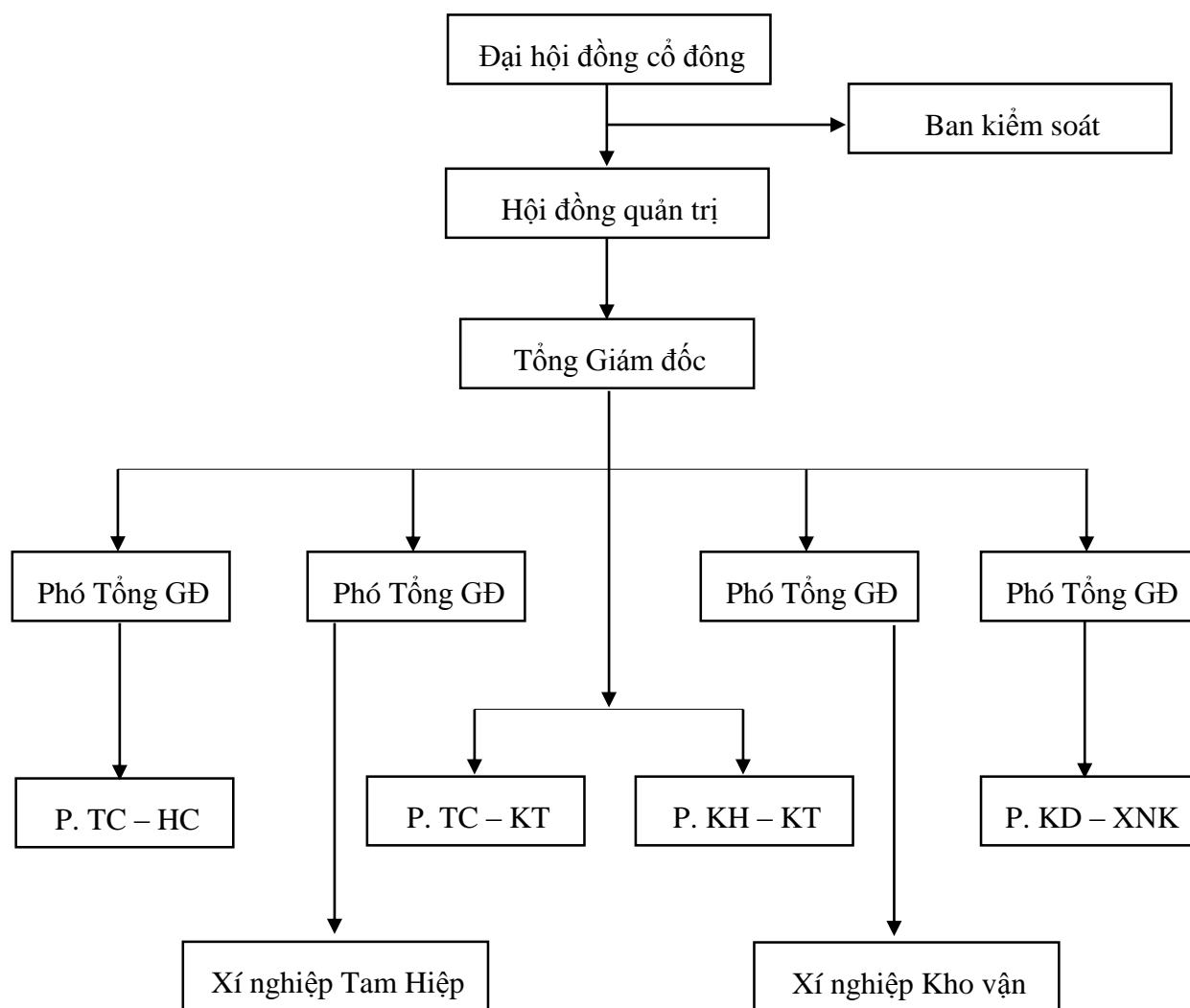
Thời gian	Vốn điều lệ (nghìn đồng)			Hình thức tăng	Căn cứ pháp lý
	Trước khi tăng	Tăng thêm	Sau khi tăng		
2007	50.000.000	20.128.920	70.128.920	Phát hành cổ phiếu ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2007;</li> <li>- GCN số 235/UBCK – GCN ngày 29 tháng 11 năm 2007;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 26/01/2008;</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKKD4103003436 thay đổi lần 3 ngày 27/08/2008</li> </ul>
2010	70.128.920	30.174.160	100.303.080	Phát hành cổ phiếu ra công chúng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2008;</li> <li>- GCN số 638/UBCK – GCN ngày 12 tháng 08 năm 2010;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành ngày 03/11/2010.</li> <li>- Giấy chứng nhận ĐKKD 4103003436 thay đổi lần 6 ngày 03/11/2014.(*)</li> </ul>

Nguồn: CTCP Công nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su

(\*) Năm 2010, công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu ra công chúng với UBCKNN đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về công bố thông tin phát hành. Tuy nhiên, trong quá trình đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD với Sở kế hoạch đầu tư TP. Hồ Chí Minh, công ty phát sinh một số vấn đề về thủ tục hành chính cần làm rõ nên thời gian thay đổi bị kéo dài. Đến ngày 03/11/2014, công ty hoàn tất xong các thủ tục cần thiết và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận ĐKKD bổ sung mức vốn phù hợp với thực tế công ty.

## 2. Bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ tổ chức Bộ máy Công ty Cổ Phần Công nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su:



### Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm: ĐHĐCĐ thành lập, ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường. ĐHĐCĐ có những nhiệm vụ chính như:

- Quyết định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát.
- Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi.
- Thông qua phương án sử dụng tài sản của Công ty, phương án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công nghệ đã giao Hội đồng quản trị.

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng nghị quyết tại Đại hội hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa 02 nhiệm kỳ Đại hội đồng Cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ, trong đó có:

- Quyết định chiến lược phát triển của công ty, các phương án đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư chiều sâu, nâng cao chất lượng sản phẩm. Duyệt dự toán và quyết toán các công trình đầu tư.
- Bổ nhiệm, bãi miễn, cách chức Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng (hay trưởng phòng kế toán) của công ty. Quyết định mức lương thưởng và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc.
- Quyết định về các kế hoạch kinh doanh hằng năm và phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh do Tổng giám đốc công ty đề xuất.

### **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Cụ thể như:

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý tổng công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán, báo cáo tài chính và các sổ sách quan trọng khác.
- Thẩm định báo cáo tài chính hằng quý, hằng năm của công ty. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty.
- Được quyền yêu cầu các phòng nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc của công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thông báo với ĐHCĐ về kết quả hoạt động kiểm soát.

**Ban Giám đốc:** chịu trách nhiệm điều hành trực tiếp các hoạt động trong công ty và báo cáo lên hội đồng quản trị, đại hội đồng cổ đông về tình hình cụ thể của công ty.

Nhiệm vụ của ban giám đốc:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHCĐ, tuân thủ điều lệ công ty và pháp luật doanh nghiệp.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của công ty.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho công ty.

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

### **Các phòng ban chức năng**

#### *Phòng Tổ chức – Hành chính*

Tham mưu cho HĐQT và Tổng Giám Đốc (TGD) về công tác tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo tuyển dụng, thi đua khen thưởng-kỷ luật, thanh tra-bảo vệ theo đúng chế độ chính sách của nhà nước, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

- Quản lý hồ sơ và thực hiện chính sách chế độ đối với CB-CNV, bảo quản và sử dụng đúng mục đích tài sản.
- Tổ chức phục vụ các hoạt động hàng ngày của Ban TGD và các phòng nghiệp vụ.

#### *Phòng Tài chính – Kế toán*

- Tham mưu cho HĐQT và TGD tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê và phân tích hoạt động kinh tế theo đúng quy định của Nhà nước và điều lệ Công ty, quy chế tài chính công ty.
- Giám sát và quản lý tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính tại đơn vị.

#### *Phòng kế hoạch – Kỹ thuật:*

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban TGD tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác kế hoạch, quy trình công nghệ, các tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức tiêu hao sản phẩm được sản xuất, chất lượng nguyên liệu, chất lượng gia công.
- Kiểm tra giám sát thực hiện các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.
- Điều hành và chịu trách nhiệm về công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

*Phòng KD – XNK:* Thực hiện công tác kinh doanh và thực hiện công tác xuất nhập khẩu tại Văn phòng Công ty.

*Xí nghiệp kỹ thuật cao su Tam Hiệp:* Chuyên sản xuất các sản phẩm cao su và kinh doanh cao su hóa chất.

*Xí nghiệp Kho Vận:* Cho thuê kho và thực hiện các dịch vụ kinh doanh khác.



### 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

#### 3.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (Nghìn đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>305</b>	<b>9.995.358</b>	<b>99.953.580</b>	<b>99,65</b>
- Cổ đông tổ chức	5	8.617.663	86.176.630	85,92
- Cổ đông cá nhân	300	1.286.045	12.860.450	12,82
<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
- Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu quỹ</b>		<b>126.600</b>	<b>1.266.000</b>	<b>1,26</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>305</b>	<b>10.030.308</b>	<b>100.303.080</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Công nghiệp & XNK Cao su chốt ngày 31/10/2015

#### 3.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo Luật doanh nghiệp, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình. Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 28/05/2005. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực

#### 3.3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của công ty trở lên

Họ và tên	Địa chỉ	Số ĐKSH	SL CP	Tỷ lệ %/VDL
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. HCM	0301266564	6.933.333	69,12%
Công ty Cao su Đồng Nai	Xã Xuân Lập, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	3600259465	1.336.000	13,32%
<b>Tổng cộng</b>			<b>8.269.333</b>	<b>82,44%</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Công nghiệp & XNK Cao su chốt ngày 31/10/2015

**4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch**

**4.1. Những Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với RUBICO:**

**Công ty mẹ: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam**

- Địa chỉ: 236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 3932 5234
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 0301266564 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Vốn điều lệ: 26.166.499.106.975 VNĐ.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chế biến, kinh doanh cao su, chế biến gỗ nhân tạo; công nghiệp cao su. Tổ chức nghiên cứu, tư vấn chuyển giao kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, chế biến kinh doanh các sản phẩm từ cây cao su, cây rừng thông.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : 6.933.333 cổ phần
- Giá trị vốn thực góp: 69.333.330.000 VNĐ
- Tỷ lệ: 69,12% Vốn điều lệ

**4.2. Những Công ty mà RUBICO đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

**4.2.1. Các Công ty con**

**Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Chế biến gỗ Đông Hòa**

- Địa chỉ: Số 9/7A Đường Lý Thường Kiệt, Khu phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (065) 0373 4363
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 3702190251 đăng ký ngày 06/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ
- Ngành nghề kinh doanh chính: Công nghiệp chế biến các sản phẩm từ cây cao su, cho thuê máy móc thiết bị; Xây dựng nhà các loại.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 5.000.000 cổ phần
- Giá trị vốn thực góp: 50.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ: 100% Vốn điều lệ.

**Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Địa ốc Hồng Phúc**

- Địa chỉ: 50-52 Võ Văn Tần, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (08) 3930 6068
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 0303952223 đăng ký lần đầu ngày 01/09/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ
- Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán cao su và sản phẩm từ cao su; Kinh doanh nhà; Cho thuê kho bãi, văn phòng.
- Số lượng cổ phần: 2.000.000 cổ phần
- Giá trị vốn góp: 20.000.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ: 100% Vốn điều lệ.

### **Công ty Cổ phần An Thịnh – Việt Lào**

- Địa chỉ: Số 64 Trương Định, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (08) 39321161
- Giấy chứng nhận ĐKKD: 0311153760 đăng ký lần đầu ngày 03/09/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Vốn điều lệ: 3.550.000.000 VNĐ
- Ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán mũ cao su nguyên liệu; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 255.000 cổ phần
- Giá trị vốn góp: 2.550.000.000 VNĐ
- Tỷ lệ: 71,83% Vốn điều lệ.

#### **4.2.2. Các công ty liên doanh liên kết:**

Không có

## **5. Hoạt động kinh doanh**

### **5.1. Sản phẩm và dịch vụ chính**

CTCP Công nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su chuyên sản xuất và kinh doanh các sản phẩm:

- Sản phẩm đồ gỗ, trang trí trong nhà và ngoài trời.
- Sản phẩm cao su kỹ thuật, đế giày các loại, dép, sandal, tấm EVA.
- Kinh doanh cao su tự nhiên như SVR 3L, SVR 5, SVR 10, SVR 20, Latex.
- Kinh doanh hóa chất các loại.
- Kinh doanh bất động sản.

**Ngoại thất**



**Nội thất**



**Đế giày, dép**



**Cao su kỹ thuật**



**Cao su tự nhiên**



## 5.2. Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận

### Cơ cấu doanh thu thuần của công ty mẹ

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu Doanh thu	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Bán hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ	515.382	97,01%	525.726	98,54%
Cung cấp dịch vụ	12.847	2,42%	7.783	1,46%
Hợp đồng xây dựng	2.977	0,56%	-	-
Doanh thu khác	45	0,01%	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>531.251</b>	<b>100%</b>	<b>533.509</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC công ty mẹ kiểm toán năm 2014.*

### Cơ cấu doanh thu thuần của công ty hợp nhất

*ĐVT: Triệu đồng*

Chỉ tiêu Doanh thu	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Bán hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ	682.129	97,60%	753.369	98,71%
Cung cấp dịch vụ	12.688	1,82%	7.783	1,02%
Hợp đồng xây dựng	2.977	0,43%	-	-
Doanh thu khác	1.085	0,15%	2.030	0,27%
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>698.880</b>	<b>100,00%</b>	<b>763.182</b>	<b>100,00%</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014.*

Trong cơ cấu doanh thu thuần của RUBICO, doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm mà công ty sản xuất chiếm tỷ trọng chủ yếu trên 90% doanh thu thuần của công ty, thể hiện sự nhất quán trong chính sách kinh doanh của công ty tập trung kinh doanh mặt hàng chủ lực là các sản phẩm từ cao su. Doanh thu thuần hợp nhất năm 2013 đạt 682 tỷ đồng, chiếm tương đương 97,6% doanh thu thuần và năm 2014 đạt 753 tỷ đồng 98,7% tổng doanh thu thuần.

Phần còn lại trong cơ cấu doanh thu thuần của công ty là hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động này chỉ triển khai ở công ty mẹ và đang có xu hướng giảm qua các năm nhằm theo đuổi chính sách nhất quán trong kinh doanh của công ty. Năm 2013, hoạt động trên thu về 12,8 tỷ chiếm tương đương 2,42% doanh thu công ty mẹ và chiếm 1,82% doanh thu thuần hợp nhất. Bước sang năm 2014, doanh thu mảng hoạt động trên chỉ thu về 7,7 tỷ chiếm 1,46% doanh thu thuần công ty mẹ và 1,02% doanh thu thuần hợp nhất.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tăng trưởng khá ổn định, tổng giá trị doanh thu thuần của Công ty năm 2014 tăng tương đương 9,2% từ 698 tỷ lên mức 763 tỷ đồng.

**Cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty mẹ**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Lợi nhuận gộp bán hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ	7.139	1,34%	24.126	4,52%
Cung cấp dịch vụ	7.467	1,41%	(2.689)	-0,50%
Hợp đồng xây dựng	161	0,03%	-	-
Lợi nhuận gộp khác	(9)	-	-	-
<b>Tổng lợi nhuận gộp</b>	<b>14.758</b>	<b>2,78%</b>	<b>21.437</b>	<b>4,02%</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ năm 2014

**Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Lợi nhuận gộp bán hàng hóa, sản phẩm và dịch vụ	16.400	2,35%	42.037	5,51%
Cung cấp dịch vụ	7.308	1,04%	(2.689)	-0,35%
Hợp đồng xây dựng	162	0,02%	(2.301)	-0,30%
Lợi nhuận gộp khác	62	0,01%	35	0,005%
<b>Tổng lợi nhuận gộp</b>	<b>23.932</b>	<b>3,42%</b>	<b>37.082</b>	<b>4,86%</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2014.

Có thể thấy, lợi nhuận gộp của công ty qua các năm có xu hướng tăng nhưng không có sự đột biến. Đóng góp chủ yếu vẫn là hoạt động kinh doanh các sản phẩm gỗ, mù cao su,.... Năm 2013, lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh trên tại công ty mẹ đạt 7,1 tỷ và sau hợp nhất đạt 16,4 tỷ, lần lượt chiếm 1,34% doanh thu thuần công ty mẹ và 2,35% doanh thu thuần hợp nhất. Mảng cung cấp dịch vụ của năm 2013 cũng tương đối khả quan khi đạt 7,5 tỷ chiếm 1,4% doanh thu thuần công ty mẹ và giảm còn 7,3 tỷ sau khi hợp nhất chiếm 1,05% doanh thu thuần hợp nhất. Nguyên nhân là do công ty phải sang sè một phần lỗ từ công ty con.

Dự kiến tình hình kinh doanh năm 2014 sẽ có nhiều khó khăn nên công ty tập trung chủ yếu vào mảng kinh doanh chính là sản xuất các sản phẩm gỗ và kinh doanh mù cao su nên lợi nhuận gộp của mảng kinh doanh này tại công ty mẹ đã tăng lên 24,1 tỷ chiếm 4,52% doanh thu thuần và số liệu sau hợp nhất đạt hơn 42 tỷ chiếm 5,51% doanh thu thuần. Các hoạt động khác của công ty trong năm 2014 không mang lại hiệu quả kinh tế.

Tuy nhiên, trong bối cảnh khó khăn của ngành cao su Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, kết lợi nhuận gộp của công ty trong năm 2014 là tương đối khả quan.

**Cơ cấu chi phí của công ty mẹ qua các năm**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	516.493	97,22%	514.373	96,41%
Chi phí tài chính	3.936	0,74%	1.712	0,32%
Chi phí lãi vay	3.072	0,58%	1.242	0,23%
Chi phí bán hàng	3.035	0,57%	4.296	0,81%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.683	2,58%	33.824	6,34%
Chi phí khác	20	-	204	0,04%
<b>Tổng cộng</b>	<b>537.167</b>	<b>101,1%</b>	<b>554.409</b>	<b>103,92%</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ năm 2013, 2014

**Cơ cấu chi phí của công ty hợp nhất qua các năm**

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT	Giá trị	Tỷ trọng/ DTT
Giá vốn hàng bán	674.948	96,58%	726.100	95,14%
Chi phí tài chính	4.151	0,59%	2.739	0,36%
Chi phí lãi vay	4.132	0,59%	2.404	0,32%
Chi phí bán hàng	5.026	0,72%	9.701	1,27%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.464	2,64%	42.007	5,50%
Chi phí khác	21	-	338	0,04%
<b>Tổng cộng</b>	<b>702.610</b>	<b>100,53%</b>	<b>780.886</b>	<b>102,32%</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất năm 2013, 2014

Về cơ cấu chi phí hoạt động của công ty, có thể thấy chiếm trên 90% doanh thu thuần là chi phí giá vốn hàng bán của công ty. Với tình hình giá cao su giảm như hiện nay, chi phí giá vốn hàng bán của công ty mẹ có cùng xu hướng giảm, tuy nhiên, sau khi hợp nhất với các công ty con, giá vốn năm 2014 có phần gia tăng so với kỳ cùng; điều này phù hợp với việc gia tăng sản lượng sản phẩm của công ty.

Chi phí bán hàng tại công ty mẹ tăng từ hơn 3 tỷ năm 2013 lên 4,3 tỷ năm 2014 tương đương 41,5%, sau hợp nhất chi phí bán hàng tăng từ 5 tỷ lên 9,7 tỷ tương đương 93%. Nguyên nhân của sự gia tăng nêu trên là do dự báo về tình hình kinh doanh năm 2014 có nhiều khó khăn, công ty cần tăng chi phí phục vụ cho hoạt động bán hàng nhằm đảm bảo kết hoạch kinh doanh của công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2014 của công ty gia tăng đột biến từ 13,7 tỷ năm 2013 lên 33,8 tỷ. Nguyên nhân là do trong năm công ty phải điều chỉnh chính sách lương cho cán bộ công nhân viên nhằm phù hợp với quy định của luật pháp cũng như thực tế sản xuất tại công ty.



## 6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

### 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty mẹ

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	263.162	222.567	-15,43%
Vốn chủ sở hữu	147.698	130.333	-11,76%
Doanh thu thuần	531.251	533.509	0,43%
Lợi nhuận từ HĐKD	1.629	(14.321)	-
Lợi nhuận khác	1.733	347	-79,98%
Lợi nhuận trước thuế	3.362	(13.974)	-
Lợi nhuận sau thuế	3.235	(13.974)	-
Giá trị sổ sách (đồng)	14.769	13.033	-11,76%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	86,56%	-	-

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ năm 2014

#### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty hợp nhất

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	293.796	261.596	-10,96%
Vốn chủ sở hữu	147.852	130.610	-11,66%
Doanh thu thuần	698.880	763.182	9,20%
Lợi nhuận từ HĐKD	2.304	(13.401)	-
Lợi nhuận khác	1.735	102	-94,12%
Lợi nhuận trước thuế	4.039	(13.299)	-
Lợi nhuận sau thuế	3.176	(14.345)	-
<i>Phân bổ cho</i>			
- Lợi ích cổ đông thiểu số	(337)	(493)	-
- Cổ đông công ty mẹ	3.512	(13.852)	-
Giá trị sổ sách (đồng)	14.785	13.021	-11,93%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	88,18%	-	-

Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất năm 2014

## 6.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

### *Thuận lợi*

- Công ty luôn nhận được sự ủng hộ, quan tâm, giúp đỡ của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam trong một số lĩnh vực.
- Đội ngũ cán bộ, công nhân viên đang dần được trẻ hóa, làm việc nhiệt tình, năng nổ, có trách nhiệm cao trong công việc.
- Các đơn vị dần đi vào ổn định sản xuất, chất lượng sản phẩm được nâng cao, tạo uy tín với khách hàng, đảm bảo công ăn việc làm và đời sống công nhân viên chức – lao động, tiến tới định hướng phát triển các sản phẩm gỗ của các năm tiếp theo.

### *Khó khăn*

- Tình hình sản xuất của ngành gỗ nói chung vẫn đang gặp nhiều khó khăn do giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, các chi phí điện, nước, lương công nhân đều tăng, lãi suất ngân hàng vẫn còn cao... đã ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất của đơn vị.
- Tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn, giá mủ cao su luôn biến động theo chiều giảm nên đơn vị gặp nhiều khó khăn trong việc dự trữ hàng hóa dẫn đến kết quả kinh doanh không tốt.
- Một số công nợ quá hạn chưa thu hồi được, đơn vị phải thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn nên dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm lỗ.

## 7. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành

### 7.1. Vị thế của công ty trong ngành

Công ty sản xuất các mặt hàng cao su thông thường và các mặt hàng gỗ gia dụng có giá trung bình, sử dụng lao động có tay nghề từ đơn giản đến phức tạp trung bình. Vì thế vị thế của công ty đối với ngành không chiếm tỷ trọng lớn.

### 7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong 9 tháng đầu năm 2014, toàn ngành gỗ Việt Nam đã đạt mức kim ngạch xuất khẩu gần 4.5 tỷ USD tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó riêng sản phẩm từ gỗ đạt 3.1 tỷ USD tăng tương đương 18,6%. Nguyên nhân chính của sự cải thiện đáng kể trên là do các đơn hàng gia công mặt hàng gỗ đang có sự dịch chuyển từ Trung Quốc sang các nước lân cận do chi phí nhân công của nước này đã trở nên kém cạnh tranh trong khu vực. Với vị thế là nhà xuất khẩu gỗ lớn nhất ASEAN, đứng thứ 2 châu Á và thứ 6 trên toàn thế giới, ngành gỗ Việt Nam đang hưởng lợi rất lớn từ xu hướng này. Ngoài ra, với việc các hiệp định thương mại như TPP kết thúc đàm phán trong năm 2015, cho thấy triển vọng ngành gỗ trong những năm tới rất tích cực với kỳ vọng, cụ thể:

- Các đơn hàng sẽ tiếp tục được chuyển vào Việt Nam;
- Biên lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong nước sẽ được cải thiện khi hàng rào thuế quan được dỡ bỏ trong khối Hiệp định do hơn 60% kim

ngạch xuất khẩu của nước ta tập trung vào Mỹ, Nhật và EU. Tóm lại, với những diễn biến tích cực như vậy, mục tiêu kim ngạch xuất khẩu gỗ 6.5 tỷ USD trong năm 2015 và 12 tỷ USD đến năm 2020 mà bộ Công Thương đề ra mang tính khả thi cao.

## 8. Chính sách đối với người lao động

### 8.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động bình quân cao động bình qu năm 2014 là 637 CB – CNV, trong đó:

- Lao động trực tiếp sản xuất: 541 người
- Khối văn phòng, các đơn vị kinh doanh: 96 người

Chỉ tiêu	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
<b>Theo trình độ</b>	<b>637</b>	<b>100</b>
- Sau Đại học	4	0,6
- Đại học	65	10,2
- Cao Đẳng, Trung Cấp	36	5,6
- Lao động phổ thông	532	83,6
<b>Theo loại hợp đồng</b>	<b>637</b>	<b>100</b>
- Dài hạn	520	81,6
- Thời vụ	117	18,4
<b>Theo giới tính</b>	<b>637</b>	<b>100</b>
- Nam	438	68,8
- Nữ	199	31,2

Nguồn: CTCP Công nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su

### Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Mức lương bình quân	Triệu đồng/người/tháng	4,899	5,480	6,242

Nguồn: CTCP Công nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su

### 8.2. Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp

#### ❖ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Mặc dù tùy theo từng vị trí cụ thể, Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, có tinh thần làm việc nhiệt tình, ham học hỏi, chủ động trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, trình độ về ngoại ngữ và tin học.

- Thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để nhân viên gắn bó lâu dài với Công ty, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
- Đào tạo: Công ty chú trọng vào việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, đặc biệt là bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ, nhân viên trong Công ty. Ngoài việc đào tạo tại chỗ, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ, nhân viên tham gia các khoá đào tạo tại các trường, các trung tâm trong và ngoài nước.

#### ❖ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Chế độ làm việc: Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày; 5,5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất thì cán bộ công nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của Bộ luật Lao động. Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động. Các nguyên tắc an toàn lao động trong Công ty được tuân thủ nghiêm ngặt.
- Lương: được trả cho CBCNV phụ thuộc vào tính chất công việc được giao, trình độ, và kinh nghiệm và đặc biệt là sự cống hiến cho Công ty.
- Thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.
- Bảo hiểm và phúc lợi: Việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật.
- Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty thực hiện chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên dưới hình thức bán cổ phiếu với giá ưu đãi so với giá thị trường.

#### 9. Chính sách cổ tức

- Theo Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức của Công ty như sau:
  - o Cổ tức được trích từ lợi nhuận của Công ty, cổ tức được chi trả cho cổ đông khi Tổng Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Tỷ lệ cổ tức trong những năm qua như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015 (dự kiến)
Tỷ lệ cổ tức	2,8%	(*)	-
Hình thức chi trả	Tiền mặt	-	-

\* Năm 2014 Công ty không thực hiện chi trả cổ tức do lợi nhuận sau thuế âm

Nguồn: CTCPCông nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su

## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### *Trích khấu hao TSCĐ*

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí hoặc phân bổ vào chi phí theo quy định. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ của công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

#### *Thanh toán các khoản nợ đến hạn*

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

**Trích lập các quỹ theo luật định**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014
Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	247	114	247	114
Quỹ Đầu tư phát triển	9.450	9.612	9.450	9.612
Quỹ Dự phòng tài chính	605	605	605	605
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.638	2.638	2.638	2.638
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.940</b>	<b>12.969</b>	<b>12.940</b>	<b>12.969</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ, hợp nhất năm 2014

**Các khoản phải nộp theo luật định**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	643
Thuế thu nhập doanh nghiệp	148	326	495	529
Thuế thu nhập cá nhân	3	20	6	22
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	0,5	175
<b>Tổng cộng</b>	<b>151</b>	<b>347</b>	<b>502</b>	<b>1.369</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ, hợp nhất năm 2014

**Tổng dư nợ vay**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014
<b>Vay và nợ vay ngắn hạn</b>	<b>43.259</b>	<b>-</b>	<b>56.705</b>	<b>23.418</b>
Vay ngắn hạn	43.259	-	56.705	23.418
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
<b>Vay và nợ vay dài hạn</b>	<b>10.293</b>	<b>10.293</b>	<b>10.293</b>	<b>10.293</b>
Vay ngân hàng dài hạn	10.293	10.293	10.293	10.293
Nợ dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng nợ vay</b>	<b>53.552</b>	<b>10.293</b>	<b>66.998</b>	<b>33.711</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ, hợp nhất năm 2014

**Tình hình công nợ****Các khoản phải thu của công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>41.288</b>	<b>33.544</b>	<b>52.445</b>	<b>49.958</b>
- Phải thu của khách hàng	23.076	29.227	33.582	46.078
- Trả trước cho người bán	17.539	22.699	19.014	22.699
- Các khoản phải thu khác	2.608	2.247	1.784	1.809
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.935)	(20.628)	(1.935)	(20.628)
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>2.748</b>	<b>2.532</b>	<b>2.748</b>	<b>2.532</b>
- Phải thu dài hạn khác	2.748	2.532	2.748	2.532
<b>Tổng cộng</b>	<b>44.036</b>	<b>36.076</b>	<b>55.193</b>	<b>52.490</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ, hợp nhất năm 2014

**Các khoản phải trả của công ty**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty mẹ		Hợp nhất	
	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>100.622</b>	<b>76.737</b>	<b>129.911</b>	<b>113.592</b>
- Vay và nợ ngắn hạn	43.259	-	56.705	23.418
- Phải trả người bán	9.243	31.636	18.408	37.115
- Người mua trả tiền trước	38.133	34.670	38.719	34.871
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3	20	502	1.369
- Phải trả công nhân viên	1.093	2.143	5.798	7.450
- Chi phí phải trả	150	-	150	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.494	8.154	8.738	8.275
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	644	980
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	247	114	247	114
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>14.842</b>	<b>15.496</b>	<b>15.369</b>	<b>16.886</b>
- Phải trả dài hạn khác	659	514	1.186	1.903
- Vay và nợ dài hạn	10.293	10.293	10.293	10.293
- Doanh thu chưa thực hiện	3.890	4.689	3.890	4.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>115.464</b>	<b>92.233</b>	<b>145.280</b>	<b>130.478</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ, hợp nhất 2014

## 10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2013	Năm 2014
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,72	1,74
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,97	0,98
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	49,45	49,88
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	98,26	99,90
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6,49	7,89
- Vòng quay tổng tài sản	Lần	2,18	2,75
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,45	-
- Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,13	-
- Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	0,99	-
- Hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,33	-

Nguồn: Tính toán của FPTIS dựa trên số liệu BCTC Kiểm toán hợp nhất 2014

## 11. Tài sản

Tình hình tài sản công ty mẹ đến ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>27.981.950.166</b>	<b>9.041.576.974</b>	<b>32,31%</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	18.668.301.158	7.588.842.384	40,65%
Máy móc thiết bị	5.796.282.827	319.175.447	5,51%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	3.366.799.772	1.133.559.143	33,67%
Thiết bị dụng cụ quản lý	150.566.409	-	-
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>10.199.685.741</b>	<b>7.340.991.684</b>	<b>71,97%</b>
Quyền sử dụng đất	8.600.000.000	6.571.521.724	76,41%
Tài sản cố định vô hình khác	1.599.685.741	769.469.960	48,10%
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.181.635.907</b>	<b>16.382.568.658</b>	<b>42,91%</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ 2014



**Tình hình tài sản công ty hợp nhất đến ngày 31/12/2014**

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>66.159.923.457</b>	<b>38.121.095.215</b>	<b>57,62%</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	37.623.249.955	23.640.246.039	62,83%
Máy móc thiết bị	21.972.968.409	12.859.554.813	58,52%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6.353.096.084	1.556.619.015	24,50%
Thiết bị dụng cụ quản lý	210.609.009	64.675.348	30,71%
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>10.403.200.016</b>	<b>7.505.528.669</b>	<b>72,15%</b>
Quyền sử dụng đất	8.600.000.000	6.571.521.723	76,41%
Tài sản cố định vô hình khác	1.803.200.016	934.006.946	51,80%
<b>Tổng cộng</b>	<b>76.563.123.473</b>	<b>45.626.623.884</b>	<b>59,59%</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất năm 2014

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại công ty mẹ**

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	%tăng/giảm
Dự án chung cư Vĩnh Hội	23.145.190	23.145.190	-
Dự án Trảng Bom	936.315.178	936.315.178	-
Chi phí giải tỏa xí nghiệp Bình Điền	76.604.724	91.982.128	20,07%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.036.065.092</b>	<b>1.051.442.496</b>	<b>20,07%</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán công ty mẹ 2014

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang hợp nhất**

Đơn vị tính: VNĐ

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	%tăng/giảm
Dự án chung cư Vĩnh Hội	23.145.190	23.145.190	-
Dự án Trảng Bom	936.315.178	936.315.178	-
Chi phí giải tỏa xí nghiệp Bình Điền	76.604.724	91.982.128	20,07%
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.036.065.092</b>	<b>1.051.442.496</b>	<b>20,07%</b>

Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất năm 2014

**12. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo**

Trên cơ sở định hướng phát triển ngành gỗ của Công ty đến năm 2020, tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng mục tiêu sản xuất 10.000 m<sup>3</sup> gỗ tinh chế trong năm 2020. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới, tìm kiếm thêm khách hàng, mở rộng tìm kiếm và phát triển thị trường nội địa nhằm khai thác tốt nhất máy móc thiết bị, ổn định và duy trì sản

xuất, đạt mục tiêu phát triển ngành công nghiệp cao su theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2015 và đã được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận tại công văn số: 718/HĐTVCSVN-KHĐT ngày 31/12/2014. Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu như sau:

**Một số chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	TH 2014	KH 2015	
		Giá trị	% tăng giảm so với năm
Vốn điều lệ	100.303	100.303	-
Doanh thu thuần	763.182	810.885	6,25%
Lợi nhuận sau thuế (LNST)	(13.852)	7.190	-
Tỷ lệ LNST/DTT	-1,82%	0,89%	-
Tỷ lệ LNST/VĐL	-13,81%	7,17%	-
Cổ tức	-	-	-

*Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 188/NQ-RBC ngày 08/04/2015 của CTCP Công nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su.*

*(\*) Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức hàng năm của công ty được Hội đồng quản trị xây dựng cho từng năm và trình ĐHĐCĐ thường niên hằng năm, do vậy kế hoạch về lợi nhuận cổ tức năm 2016 công ty chưa xây dựng.*

**Các giải pháp thực hiện kế hoạch**

Để triển khai thực hiện kế hoạch năm 2015, trên cơ sở nguồn lực hiện có của công ty, Ban lãnh đạo công ty thống nhất thực hiện các giải pháp thiết thực và phù hợp với tình hình kinh tế hiện tại cũng như trong thời gian sắp tới:

**❖ Lĩnh vực sản xuất:**

- Tập trung lĩnh vực sản xuất gỗ về một địa điểm để thuận tiện và hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành.
- Đầu tư một số máy móc, thiết bị chuyên dùng trong sản xuất đồ gỗ và sản xuất sản phẩm công nghiệp cao su nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Áp dụng các biện pháp có hiệu quả trong việc tiết giảm các chi phí sản xuất, chi phí quản lý...
- Duy trì môi trường làm việc tại các xưởng sản xuất theo tiêu chí “xanh – sạch – đẹp”, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để ổn định lực lượng lao động gắn bó lâu dài với đơn vị.

### ❖ Lĩnh vực kinh doanh:

- Tiếp tục tổ chức khai thác các mặt bằng không sản xuất (cho thuê, hợp tác sản xuất...)
- Tăng cường các hoạt động kinh doanh, đặc biệt đẩy mạnh tìm kiếm thị trường xuất khẩu cao su, tạo các điều kiện thuận lợi để đạt hiệu quả tốt nhất.
- Thành lập Xí nghiệp kho vận trực thuộc công ty có chức năng quản lý, khai thác mặt bằng, thực hiện các dịch vụ kho vận nhằm khai thác tối đa và hiệu quả các mặt bằng hiện có.
- Nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng nguồn vốn tại công ty và các đơn vị.

Tổng kết năm 2015, ngành cao su đã trải qua nhiều biến động gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Cụ thể, doanh thu công ty dự kiến đạt 460 tỷ tương đương 56,72% kế hoạch năm 2015. Lợi nhuận cả năm công ty ước đạt 2,3 tỷ đồng, tương đương 32% kế hoạch. Như vậy, công ty chưa thể hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội cổ đông đề ra. Một số nguyên nhân chính có thể kể đến như sau:

- Có thể thấy, trong năm 2015, giá cao su thiên nhiên trong nước và thế giới liên tục giảm sâu làm giảm doanh thu kinh doanh mặt hàng mủ cao su của công ty. Ngoài ra, công ty thực hiện giảm giá các mặt hàng sản xuất từ mủ cao su nhằm đảm bảo doanh thu cũng như thị trường tiêu thụ của công ty.
- Bên cạnh đó, tình hình xuất khẩu các sản phẩm của công ty cũng gặp nhiều bất lợi. Đơn hàng xuất khẩu của công ty bị thu hẹp do nhu cầu tiêu dùng giảm. Trong khi đó, Khách hàng nâng cao yêu cầu về chất lượng các mặt hàng xuất khẩu, đòi hỏi công ty cần cải tiến trong kỹ thuật sản xuất nhằm đáp ứng đúng yêu cầu của khách hàng.

Ngoài những khó khăn kể trên, công ty còn phải gánh chịu khoản lỗ của năm 2014. Vì vậy, trong Đại hội cổ đông thường niên sắp tới, Hội đồng quản trị công ty sẽ đề xuất kế hoạch cũng như phương hướng hoạt động cụ thể hơn, đổi mới hơn nhằm cải thiện kết quả kinh doanh của công ty trong thời gian tới.

### 13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

### 14. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh:

- Duy trì và định hướng phát triển sản xuất kinh doanh: chức năng khai thác mặt bằng, thực hiện các dịch vụ kho vận nhằm khai thác tối đa và hiệu quả các mặt bằng hiện có. ược luchi phí sản xuất, tiết kiệm chi phí quản lý...
- Tổ chức tái cơ cấu tại một số đơn vị trực thuộc và tại văn phòng công ty, sắp xếp lại bộ máy tổ chức một cách toàn diện theo hướng gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

### 15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có

## II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và Tên	Chức vụ	
1	Trần Minh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thành viên không điều hành
2	Trần Đình Mai	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
3	Phùng Bá Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên điều hành
4	Lê Thị Ngọc Lý	Thành viên Hội đồng Quản trị	Thành viên không điều hành
5	Nguyễn Văn Minh	Thành viên Hội đồng Quản trị	Thành viên không điều hành

**Ông TRẦN MINH – Chủ tịch Hội đồng Quản trị****Giới tính:** Nam**Ngày sinh:** 01/01/1960**Quốc tịch:** Việt Nam**Dân tộc:** Kinh**CMND:** 285149936**Ngày cấp:** 24/07/2015 **Nơi cấp:** Bình Phước**Điện thoại:** 0913.813.017**Nơi sinh:** Xã Trường Xuân, huyện Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam**Trình độ văn hóa:** 12/12**Quê quán:** Xã Trường Xuân, huyện Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư**Địa chỉ thường trú:** 20/26 Nguyễn Du, PK Ninh Thuận, TT Lộc Ninh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Phó Trưởng Ban Quản lý Kỹ Thuật – Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Từ 04/1987 đến 02/1990	Kỹ thuật xí nghiệp CĐ-CB C.ty Cao su Lộc Ninh
Từ 03/1990 đến 09/1992	Phó Giám Đốc xí nghiệp CĐ-CB Công ty Cao su Lộc Ninh
Từ 10/1992 đến 12/1998	Quản đốc nhà máy CK-CB Công ty Cao su Lộc Ninh
Từ 01/1999 đến 12/2003	Trưởng phòng Kỹ thuật – XD CB, Công ty Cao su Lộc Ninh
Từ 01/2004 đến 01/2009	Trưởng phòng Quản lý Kỹ thuật, Công ty Cao su Lộc Ninh
Từ 02/2009 đến 09/2012	Giám đốc Xí nghiệp CK- CB Lộc Hiệp, Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
Từ 10/2012 đến 08/2013	Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh
Từ 09/2013 đến nay	Phó Trưởng Ban QLKT, Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam Chủ tịch HĐQT của HĐQT của RUBICO

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%
- Sở hữu đại diện: 3.523.028 cổ phần chiếm tỷ lệ: 35,12%

*(Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam)***Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%**Các khoản nợ với công ty:** Không có**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có

**Ông TRẦN ĐÌNH MAI – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

**Giới tính:** Nam **Ngày sinh:** 01/06/1959  
**Quốc tịch:** Việt Nam **Dân tộc:** Kinh  
**CMND:** 022945734 **Ngày cấp:** 18/09/2013 **Nơi cấp:** CA TP. HCM  
**Điện thoại:** (08) 3 932 7173 **Nơi sinh:** Hà Tĩnh  
**Trình độ văn hóa:** 10/10 **Quê quán:** Hà Tĩnh  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Địa chỉ thường trú:** 48/26G Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM

**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có

**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Năm 1982 – 1995:	Thủ kho vật tư tại Công ty Vật tư thiết bị thuộc Tổng cục Cao su
Năm 1996 – 2005:	CV xuất nhập khẩu Tổng Công ty Cao su Việt Nam
Năm 2005 – 2006:	Phó Giám đốc Công ty Sản xuất và Kinh doanh dụng cụ thể thao
Năm 2006 – 2014:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao Geru
T05/2014 đến nay:	TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Công nghiệp và Xuất Nhập Khẩu Cao su

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân:	0	cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%
- Sở hữu đại diện:		
(Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam)	3.410.305	cổ phần chiếm tỷ lệ: 4,00%

**Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Các khoản nợ với công ty:** Không có

**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có

**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có

**Ông PHÙNG BÁ THÀNH – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc**

**Giới tính:** Nam **Ngày sinh:** 30/01/1957  
**Quốc tịch:** Việt Nam **Dân tộc:** Kinh  
**CMND:** 02010519 **Ngày cấp:** 03/06/2003 **Nơi cấp:** CA TP. HCM  
**Điện thoại:** (08) 3 932 2076 **Nơi sinh:** TP. Hồ Chí Minh  
**Trình độ văn hóa:** 12/12 **Quê quán:** Chợ Lớn, Quận 5, TP. HCM

**Trình độ chuyên môn:** Kế toán

**Địa chỉ thường trú:** 55 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng GD

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có

**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Từ 1975 đến 1984	Kế toán trưởng Xí Nghiệp Chế Biến Cao Su Vĩnh Hội (Tổng Cục Cao Su Việt Nam)
Từ 1984 đến 2005	Kế toán trưởng Công ty Công Nghiệp và XNK Cao Su (Tổng Công ty Cao Su Việt Nam)
Từ 2005 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su
Từ 2005 đến nay:	TV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,20%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Các khoản nợ với công ty:** Không có

**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có

**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có

**Bà LÊ THỊ NGỌC LÝ – Thành viên Hội đồng Quản trị**

**Giới tính:** Nữ **Ngày sinh:** 07/08/1961  
**Quốc tịch:** Việt Nam **Dân tộc:** Kinh  
**CMND:** 020708597 **Ngày cấp:** 26/03/2010 **Nơi cấp:** CA TP. HCM  
**Điện thoại:** 0913 645 888 **Nơi sinh:** Bình Dương  
**Trình độ văn hóa:** 12/12 **Quê quán:** Bình Dương  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế  
**Địa chỉ thường trú:** 103/23 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM  
**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Thành viên Hội đồng Quản trị  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có

**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Từ 1981 đến 1984	NV kế toán Ngân hàng Tân Uyên
Từ 1984 đến 1986	NV kế toán Công ty Cao Su Phước Hòa.
Từ 1986 đến 1994	NV Kế toán tổng hợp Công ty Công Nghiệp Cao Su.
Từ 1994 đến 2000	Phó phòng TC-KT Công ty Công Nghiệp Cao Su.
Từ 2001 đến 2000	Trưởng phòng KH-ĐT Công ty Công Nghiệp Cao Su.
Từ 2002 đến 06/2005	Phó phòng TC-KT Công ty Công Nghiệp và XNK Cao Su.
Từ 07/2005 đến 03/2006	Ủy viên chuyên trách HĐQT Công ty CP Công Nghiệp và XNK Cao Su.
Từ 04/2006 đến 04/2008	Trợ lý TGD Công ty CP CN và XNK Cao Su.
Từ 05/2008 đến 10/2008	Trưởng phòng KT-CN Công ty CP Công Nghiệp và XNK Cao Su.
Từ 11/2008 đến nay	TV HĐQT kiêm Trưởng phòng TC-HC Công ty CP Công Nghiệp và XNK Cao Su.

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,20%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Các khoản nợ với công ty:** Không có

**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có

**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có



**Ông NGUYỄN VĂN MINH – Thành viên Hội đồng Quản trị**
**Giới tính:** Nam**Ngày sinh:** 18/06/1958**Quốc tịch:** Việt Nam**Dân tộc:** Kinh**CMND:** 270137855**Ngày cấp:** 04/07/2001 **Nơi cấp:** CA Đồng Nai**Điện thoại:** 0913 942 909**Nơi sinh:** Thị Xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai**Trình độ văn hóa:** 12/12**Quê quán:** Quảng Trị**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế**Địa chỉ thường trú:** Ấp Trung Tâm, Xuân Lập, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Thành viên Hội đồng Quản trị**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần KCN Dầu Giây**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Từ năm 1987 đến 1990	Phó Văn phòng Công ty Cao Su Đồng Nai Trưởng Phòng kế hoạch – vật tư Công ty Cao Su Đồng Nai
Từ năm 1990 đến 2004	Chánh Văn phòng Công ty Cao Su Đồng Nai
Từ năm 2004 đến nay	Trưởng Phòng kế hoạch Công ty Cao Su Đồng Nai.
Từ 2005 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần KCN Dầu Giây TV HĐQT CTCP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân:	10.000	cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,10%
- Sở hữu đại diện:	1.336.000	cổ phần chiếm tỷ lệ: 13,42%

(CTCP Cao su Đồng Nai)

**Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%**Các khoản nợ với công ty:** Không có**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có

**2. Ban kiểm soát**

<b>STT</b>	<b>Họ và Tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Bùi Văn Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Phạm Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Trọng Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát

**Ông BUI VĂN DŨNG – Trưởng Ban Kiểm soát**

**Giới tính:** Nam **Ngày sinh:** 07/08/1973  
**Quốc tịch:** Việt Nam **Dân tộc:** Kinh  
**CMND:**025060483 **Ngày cấp:** 31/12/2008 **Nơi cấp:** CA TP. HCM  
**Điện thoại:** 0903 626 883 **Nơi sinh:**Quảng Ngãi  
**Trình độ văn hóa:**12/12 **Quê quán:**Quảng Ngãi  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Địa chỉ thường trú:** 17/8G Phạm Văn Chiêu, Phường 9, Quận Gò Vấp, TP. HCM

**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Trưởng Ban Kiểm soát

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:**Không có

**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Năm 1998 – 2000	Nhân viên kế toán chi nhánh Công ty Sản xuất và XNK Cao su
Năm 2001 – 2002	Nhân viên kế toán Công ty Công nghiệp và Xuất Nhập khẩu Cao su
Năm 2003 – 2005	Kế toán trưởng Xí nghiệp chế biến gỗ Đông Hòa trực thuộc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su
T7/2005 – T1/2015	Kế toán trưởng CT Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su
Năm 2008 – 2015	Phó Tổng Giám đốc CTCP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su
T01/2015 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Công nghiệp & Xuất nhập khẩu Cao su

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân: 14.650 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,15%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Các khoản nợ với công ty:** Không có

**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có

**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có

**Bà Phạm Thu Hường – Thành viên Ban Kiểm soát**

**Giới tính:** Nữ **Ngày sinh:** 20/10/1966  
**Quốc tịch:** Việt Nam **Dân tộc:** Kinh  
**CMND:** 025084698 **Ngày cấp:** 27/03/2009 **Nơi cấp:** CA TP. HCM  
**Điện thoại:** 0914.057.089 **Nơi sinh:** Thị Trấn Cồn – Hải Hậu – Nam Định  
**Trình độ văn hóa:** 12/12 **Quê quán:** Hải Hậu – Nam Định  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài Chính – Kế Toán

**Địa chỉ thường trú:** 21 – 04A Chung cư Cao Tầng, Phường 12, Quận 3, TP. HCM

**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Thành viên Ban Kiểm soát

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Thành viên Ban Kiểm Soát của 03 Công ty khác trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Từ 06/1991 đến 01/1992	Cán bộ Cục thuế tỉnh Gia Lai – Komtum – Tỉnh Gia Lai-Kontum
Từ 01/1992 đến 06/1994	Nhân viên – Kế toán tổng hợp tại Công ty Cao su Kontum- Tỉnh Kontum
Từ 2014 đến 06/2007	Phó phòng kế toán – kế toán tổng hợp Công ty Cao su Kontum – Tỉnh Kontum
Từ 07/2007 đến 12/2007	Phó phòng Kế Toán Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà-TP.HCM
Từ 01/2008 đến nay	Chuyên viên – Kế toán tổng hợp tại Công ty mẹ Tập Đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
Từ 06/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Công nghiệp và XNK Cao su

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Các khoản nợ với công ty:** Không có

**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có

**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có

**Ông Nguyễn Trọng Hùng – Thành viên Ban Kiểm soát**
**Giới tính:** Nam**Ngày sinh:** 11/02/1964**Quốc tịch:** Việt Nam**Dân tộc:** Kinh**CMND:** 270723816**Ngày cấp:** 06/09/2012 **Nơi cấp:** CA Đồng Nai**Điện thoại:** 0919.006.147**Nơi sinh:** Biên Hòa Đồng Nai**Trình độ văn hóa:** 12/12**Quê quán:** Đồng Nai**Trình độ chuyên môn:** Cử Nhân Kinh Tế**Địa chỉ thường trú:** Dường Đường, Suối Tre, Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Thành viên Ban Kiểm soát**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Tổng công ty cao su Đồng Nai**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Từ năm 1983 đến nay	Nhân viên Phòng Tài Chính Kế Toán CTCP Công nghiệp và XNK Cao Su
Từ 12/2013 đến nay	Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Tổng công ty cao su Đồng Nai
Từ 06/2014 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Công nghiệp và XNK Cao su

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%**Các khoản nợ với công ty:** Không có**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có

### 3. Ban giám đốc

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Trần Đình Mai	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
2	Phùng Bá Thành	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Công Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Hồng Minh	Kế toán trưởng

- Ông **TRẦN ĐÌNH MAI** – **Tổng Giám đốc**: Xem sơ yếu lý lịch tại mục Hội đồng Quản trị
- Ông **PHÙNG BÁ THÀNH** – **Phó Tổng Giám đốc**: Xem sơ yếu lý lịch tại mục HĐQT

**Ông TRẦN CÔNG HẢI – Phó Tổng Giám đốc**

**Giới tính:** Nam **Ngày sinh:** 08/12/1962  
**Quốc tịch:** Việt Nam **Dân tộc:** Kinh  
**CMND:** 023140608 **Ngày cấp:** 10/06/1993 **Nơi cấp:** CA TP. HCM  
**Điện thoại:** 0918 911 859 **Nơi sinh:** Nam Định  
**Trình độ văn hóa:** 12/12 **Quê quán:** Nam Định  
**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Cơ khí

**Địa chỉ thường trú:** 63 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Phó Tổng Giám Đốc

**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có

**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Năm 1998 – 1999:	Làm việc tại Công ty Cơ khí Cao su
Năm 2000 – 2004	Phó phòng KH – TT Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su
Năm 2005 - 2007	Trưởng phòng KH – TT Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su
Năm 2008 đến nay:	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/10/2015:**

- Sở hữu cá nhân: 10.600 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,11%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Sở hữu của người có liên quan:** 0 cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%

**Các khoản nợ với công ty:** Không có

**Các khoản lợi ích khác từ công ty:** Không có

**Hành vi vi phạm pháp luật:** Không có

**Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:** Không có

**Ông NGUYỄN HỒNG MINH – Kế toán trưởng**

**Giới tính:** Nam **Ngày sinh:** 23/11/1972  
**Quốc tịch:** Việt Nam **Dân tộc:** Kinh  
**CMND:** 025440642 **Ngày cấp:** 15/02/2011 **Nơi cấp:** CA TP. HCM  
**Điện thoại:** (08) 39322075 **Nơi sinh:** Nghệ An  
**Trình độ văn hóa:** 12/12 **Quê quán:** Bắc Giang  
**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế  
**Địa chỉ thường trú:** 525/2/3 Tân Sơn, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. HCM  
**Chức vụ đang nắm giữ tại RUBICO:** Kế toán trưởng  
**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có

**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác – Chức vụ
Năm 2003 – 2004:	Nhân viên kế toán Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn Luật và Dịch vụ Kế toán Đông Dương
T8/2004 – T9/2005:	Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến gỗ Đông Hòa trực thuộc Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su
T10/2005-10/2008:	Nhân viên kế toán văn phòng CTCP Công nghiệp và XNK Cao su
T 11/2008 đến nay:	Kế toán trưởng CTCP Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Cao su

**Số lượng cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2015:**

- Sở hữu cá nhân:	16.000	cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,16%
- Sở hữu đại diện:	0	cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%
<b>Sở hữu của người có liên quan:</b>	0	cổ phần chiếm tỷ lệ: 0,00%
<b>Các khoản nợ với công ty:</b>	Không có	
<b>Các khoản lợi ích khác từ công ty:</b>	Không có	
<b>Hành vi vi phạm pháp luật:</b>	Không có	
<b>Quyền lợi mâu thuẫn với công ty:</b>	Không có	



#### 4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Nhằm tăng cường công tác quản trị công ty trong thời gian tới, đặc biệt là sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch chứng khoán của công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội, RUBICO chủ trương thực hiện các vấn đề sau:

- Nghiên cứu, sửa đổi điều lệ công ty theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- Xây dựng quy chế quản trị công ty nhằm đạt mục tiêu tách bạch trong công tác quản lý của Hội đồng quản trị với công tác điều hành.
- Xây dựng quy chế công bố thông tin, quy chế tài chính và các quy chế nội bộ khác theo từng thời điểm thích hợp nhằm đạt được sự chuyên nghiệp, minh bạch trong hoạt động của công ty cũng như đạt được sự phối hợp ăn ý của các bộ phận trong cùng công ty.
- Tạo cơ hội cho các thành viên Hội đồng quản trị, lãnh đạo công ty, các bộ chủ chốt có điều kiện tham gia các lớp tập huấn về quản trị công ty.
- Cơ cấu Ban kiểm soát công ty hiện chưa phù hợp với quy định tại Thông tư số 121-2012/TT-BTC và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do công ty chưa có thời gian chuẩn bị nhân sự phù hợp. Sau khi được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu, công ty sẽ gấp rút hoàn thiện Ban kiểm soát công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

### III. PHỤ LỤC

1. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6;
2. BCTC công ty mẹ, hợp nhất kiểm toán năm 2014;

Người chịu trách nhiệm nội dung bản thông tin tóm tắt

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2015

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU,  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP VÀ XUẤT NHẬP KHẨU CAO SU

CHỦ TỊCH HĐQT

*Handwritten signature of Trần Minh*

TRẦN MINH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

*Handwritten signature of Bùi Văn Dũng*

BÙI VĂN DŨNG

GIÁM ĐỐC



*Handwritten signature of Trần Đình Mai*

TRẦN ĐÌNH MAI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Handwritten signature of Nguyễn Hồng Minh*

NGUYỄN HỒNG MINH

TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT – CHI NHÁNH TP. HCM

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



*Handwritten signature of Nguyễn Văn Trung*

NGUYỄN VĂN TRUNG